

TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030 CỦA HUYỆN PHÙ CÙ

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
I	Đất quốc phòng		62,42		62,42			
1,1	Các đơn vị trực thuộc quân khu		54,90		54,90			
1	Xây dựng căn cứ hậu cần quân khu 3	Xã Minh Tiến	30,00		30,00	2025	Chuyển tiếp	
2	Kho HCTH/CHC	Xã Minh Tiến	5,00		5,00		Đăng ký mới	
3	Khu triển khai đội xe/e653/CHC	Xã Tiên Tiến	10,90		10,90	2025	Chuyển tiếp	
4	Kho xăng dầu/Phân CCHC	Xã Tam Đa	5,00		5,00	2026-2030	Chuyển tiếp	
5	Khu triển khai đội điều trị/CHC	Nhật Quang	4,00		4,00		Đăng ký mới	
2,1	Ban chỉ huy quân sự huyện Phù Cù		7,52		7,52			
1	Trận địa phòng ngự (Đồng Chạ, thôn Hà Linh)	Xã Đình Cao	1,00		1,00	2022-2025	Đăng ký mới	
2	Cụm công trình sở chỉ huy cơ bản; sở chỉ huy thống nhất; công trình cất giấu vũ khí vật chất hậu cần kỹ thuật (Thôn Duyên Linh, An Nhuế)	Xã Đình Cao	2,23		2,23	2022-2025	Đăng ký mới	
3	Trận địa phòng ngự của tiểu đoàn bộ binh huyện (Đồng Chạ, Bắc Hà Linh)	Xã Đình Cao	1,03		1,03	2022-2025	Đăng ký mới	
4	Trận địa hỏa lực số 2 (Đồng Dầm, Duyên Linh)	Xã Đình Cao	0,26		0,26	2022-2025	Đăng ký mới	
5	Sở chỉ huy hậu phương; Công trình cất giấu vũ khí vật chất hậu cần kỹ thuật (Đồng Mái, Hoàng Tranh)	Xã Minh Hoàng	2,00		2,00	2026-2030	Đăng ký mới	
6	Trận địa hỏa lực số 1 (Đồng Dền, Trần Hạ)	TT. Trần Cao	0,25		0,25	2026-2030	Đăng ký mới	
7	Trận địa phòng ngự số 3 (Đồng Chìa, Tổng Xá)	Xã Tổng Phan	0,25		0,25	2026-2030	Đăng ký mới	
8	Trận địa hỏa lực số 1 (Đồng Trại Cá)	Xã Tiên Tiến	0,25		0,25	2026-2030	Đăng ký mới	
9	Trận địa hỏa lực số 3 (Đồng Sau Kho)	Xã Tiên Tiến	0,25		0,25	2026-2030	Đăng ký mới	
II	Đất an ninh		8,95		8,95			
2,1	Trụ sở công an các xã, thị trấn		2,97		2,97	2.021,00		
1	QH trụ sở công an thị trấn	TT. Trần Cao	0,30		0,30	2021	Chuyển tiếp	
2	QH trụ sở công an xã	Xã Tổng Phan	0,20		0,20	2022	Đăng ký mới	
3	QH trụ sở công an xã	Xã Quang Hưng	0,15		0,15	2022	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
4	QH trụ sở công an xã	Xã Nhật Quang	0,23		0,23	2022	Đăng ký mới	
5	QH trụ sở công an xã	Xã Tam Đa	0,22		0,22	2022	Đăng ký mới	
6	QH trụ sở công an xã	Xã Minh Tiến	0,20		0,20	2022	Đăng ký mới	
7	QH trụ sở công an xã	Xã Tiên Tiến	0,20		0,20	2022	Đăng ký mới	
8	QH trụ sở công an xã	Xã Nguyên Hòa	0,25		0,25	2022	Đăng ký mới	
9	QH trụ sở công an xã	Xã Tổng Trân	0,18		0,18	2022-2025	Đăng ký mới	
10	QH trụ sở công an xã	Xã Minh Hoàng	0,15		0,15	2022	Đăng ký mới	
11	QH trụ sở công an xã	Xã Đình Cao	0,26		0,26	2024	Đăng ký mới	
12	QH trụ sở công an xã	Xã Minh Tân	0,28		0,28	2022	Đăng ký mới	
13	QH trụ sở công an xã	Xã Phan Sào Nam	0,19		0,19	2024	Đăng ký mới	
14	QH trụ sở công an xã	Xã Đoàn Đào	0,16		0,16	2022	Đăng ký mới	
2,2	QH trại tạm giam công an tỉnh	Xã Đoàn Đào	5,98		5,98		Chuyển tiếp	
III	Đất phát triển công nghiệp		283,10		283,10			
1		Xã Đình Cao	128,68		128,68	2026-2030	Đăng ký mới	
2		Xã Tiên Tiến	104,91		104,91	2026-2030	Đăng ký mới	
3		Xã Minh Tiến	49,51		49,51	2026-2030	Đăng ký mới	
IV	Đất cụm công nghiệp		166,33		166,33			
1	QH cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng	TT. Trần Cao	13,69		13,69	2021	Chuyển tiếp	
		Xã Quang Hưng	36,14		36,14	2021	Chuyển tiếp	
2	QH cụm công nghiệp Quán Đỏ	Xã Đoàn Đào	66,50		66,50	2021	Chuyển tiếp	
3	Cụm công nghiệp Đình Cao	Xã Đình Cao	50,00		50,00	2023	Chuyển tiếp	
V	Đất thương mại dịch vụ		62,53		62,53			
1	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Nhật Quang	20,00		20,00	2026-2030	Đăng ký mới	
2	QH đất thương mại dịch vụ thôn Quang Yên	Xã Nhật Quang	0,04		0,04	2022	Đăng ký mới	
3	QH đất thương mại dịch vụ thôn Ngũ Lão	Xã Quang Hưng	1,50		1,50	2023	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
4	QH đất thương mại dịch vụ thôn Tổng Xá	Xã Tổng Phan	0,50		0,50	2024	Chuyển tiếp	
5	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Minh Hoàng	0,71		0,71	2022	Đăng ký mới	
6	QH Đất thương mại dịch vụ	Xã Minh Hoàng	0,83		0,83	2026-2030	Đăng ký mới	
7	Đất thương mại dịch vụ (Bãi tập kết VLXD)	Xã Đình Cao	0,51		0,51	2022	Đăng ký mới	
8	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp + Thương mại dịch vụ	Xã Đình Cao	6,90		6,90	2022	Đăng ký mới	
9	QH đất thương mại dịch vụ thôn Duyên Linh	Xã Đình Cao	0,16		0,16	2024	Đăng ký mới	
10	Đất thương mại dịch vụ	Xã Nguyên Hòa	1,30		1,30	2023	Đăng ký mới	
11	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Tam Đa	0,24		0,24	2025	Đăng ký mới	
12	QH đất thương mại dịch vụ + Sản xuất PNN	Xã Tam Đa	12,80		12,80	2025	Đăng ký mới	
13	QH đất thương mại dịch vụ + Sản xuất PNN	Xã Tiên Tiến	8,40		8,40	2025	Đăng ký mới	
14	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Tổng Trân	0,37		0,37	2024	Đăng ký mới	
15	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Phan Sào Nam	6,50		6,50	2026-2030	Đăng ký mới	
16	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Minh Tân	0,27		0,27	2025	Đăng ký mới	
17	QH đất thương mại dịch vụ	Xã Đoàn Đào	1,50		1,50	2025	Đăng ký mới	
VI	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		32,55		30,25			
1	Doanh nghiệp Thành Vinh	Xã Quang Hưng	0,06		0,06	2021	Chuyển tiếp	
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thôn Hoàng Xá	Xã Tiên Tiến	0,20		0,20	2025	Chuyển tiếp	
3	QH trạm trung chuyển nước sạch	Xã Tổng Phan	0,02		0,02	2023	Đăng ký mới	
4	QH đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Xã Tổng Trân	27,00		27,00	2026-2030	Đăng ký mới	
5	Nhà máy nước sạch	Xã Đình Cao	0,47		0,47	2023	Chuyển tiếp	
6	QH đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Xã Nguyên Hòa	2,50		2,50		Đăng ký mới	
7	QH đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Sau Đại Hưng)	TT. Trần Cao	2,30		2,30	2026-2030	Chuyển tiếp	
VII	Đất giao thông		116,09		116,09			
7,1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang		9,42		9,42			

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
1	Xây dựng tuyến đường bờ sông Sậy - La Tiến đoạn từ cầu Quán Bầu đến cầu Tổng Phan (cầu ông Hỷ)	Xã Tổng Phan	0,94		0,94	2021	Chuyển tiếp	
2	Xây dựng đường mới từ thôn Nại Khê, xã Tiên Tiến (Đoạn giao với ĐH.85) đến giao với đường ĐH.80	Xã Tiên Tiến	1,20		1,20	2021	Chuyển tiếp	
3	Xây mới đường từ đường nối lên cầu La Tiến qua đền Tổng Trân đến giao với ĐH.85	Xã Nguyên Hòa, Tổng Trân	2,02		2,02	2021	Chuyển tiếp	
4	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH.80 đến giao cắt với đường ĐH.85 (qua địa phận đền Tổng Trân)	Xã Tổng Trân	1,29		1,29	2021	Chuyển tiếp	
5	Xây dựng đường mới từ trạm bơm Duyên Linh trên ĐH.83 đến giao với ĐH.80, xã Đình Cao, huyện Phù Cù	Xã Đình Cao	1,28		1,28	2021	Chuyển tiếp	
6	Đường nội huyện kéo dài đến KDC mới xã Tổng Phan	Xã Tổng Phan	0,34		0,34	2021	Chuyển tiếp	
7	Đầu tư xây dựng tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cù, tỉnh Hưng yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao, huyện Phù Cù đến ĐH.80)	Xã Đình Cao	2,35		2,35	2021	Chuyển tiếp	
7,2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		19,21		19,21			
1	Xây dựng tuyến đường ra khu xử lý rác thải xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù	Xã Đoàn Đào	1,95		1,95	2022	Đăng ký mới	
2	Đường nối từ QL38B với đường đến khu di tích Voi đá Ngựa đá và khu dân cư số 5 huyện Phù Cù	Xã Đoàn Đào	1,74		1,74	2022	Đăng ký mới	
3	Đường vào Căn cứ chiến đấu (Đoạn từ ĐH.81 đến căn cứ chiến đấu tại Đồng Dấm Xóm Xanh thôn Duyên Linh, xã Đình Cao)	Xã Đình Cao	0,33		0,33	2023	Đăng ký mới	
4	Xây dựng đường mới từ Quán Bầu đến ĐH.80	Xã Tổng Phan	6,00		6,00	2024	Đăng ký mới	
5	Xây dựng đường mới từ QL.38B (cạnh trụ sở mới Công an huyện) đến ĐH.86 thôn Trà Bồ, xã Phan Sào Nam	Xã Đoàn Đào, Phan Sào Nam	2,40		2,40	2025	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
6	Xây dựng đường tránh đường QL.38B đoạn từ đường GTNT xã Đoàn Đào (sau UBND xã Đoàn Đào) đến nhà bà Tìu thôn Đoàn Đào	Xã Đoàn Đào	0,75		0,75	2022	Đăng ký mới	
7	Xây dựng mới tuyến đường và cầu nối từ QL.38B qua đường Bưởi Đoàn Đào đến ĐH.83	Xã Đoàn Đào	3,60		3,60	2025	Đăng ký mới	
8	Xây dựng mới đường từ cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng đến ĐT.386 (Đầu nối ĐT.377)	TT. Trần Cao	1,80		1,80	2025	Đăng ký mới	
9	Đường vào Căn cứ hậu phương (Đoạn từ ĐH.86 đến căn cứ hậu phương tại Đồng Mái, Hoàng Tranh, Minh Hoàng)	Xã Minh Hoàng	0,65		0,65	2025	Đăng ký mới	
7,3	Dự kiến đầu tư giai đoạn 2025-2030		31,90		31,90			
1	Xây dựng đường tránh QL.38 B đoạn từ ĐT.386 đến hết địa phận xã Quang Hưng	Xã Quang Hưng	9,50		9,50	2026-2030	Đăng ký mới	
2	Xây dựng đường tránh ĐT.386 đoạn từ ĐH.64 (đoạn thôn Duyệt Lễ xã Minh Tân) qua cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng đến ĐH.80 (đoạn thôn Hoàng Các xã Tiên Tiến)	Xã Minh Tân, Quang Hưng, Tổng Phan, Nhật Quang, Tiên Tiến	19,70		19,70	2026-2030	Đăng ký mới	
3	Xây dựng đường mới kết nối từ cụm CN Quán Đò - Đoàn Đào đến ĐH.81	Xã Đoàn Đào	2,70		2,70	2026-2030	Đăng ký mới	
7,4	Các hạng mục khác		55,56		55,56			
1	QH bến xe	Xã Nguyên Hòa	1,45		1,45	2025	Đăng ký mới	
2	QH trung tâm sát hạch lái xe	Xã Đình Cao	6,20		6,20	2026-2030	Đăng ký mới	
3	Đất giao thông quy hoạch	Huyện Phù Cừ	47,91		47,91	2026-2030	Đăng ký mới	
VII	Đất thủy lợi		2,18		2,18			
1	Quy hoạch nắn dòng chảy	Xã Tống Trân	1,70		1,70	2021	Chuyển tiếp	
2	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đề tà sông Luộc kéo dài	Xã Tống Trân, Nguyên Hòa	0,48		0,48	2021	Chuyển tiếp	
VIII	Đất công trình năng lượng		4,28		4,28			
1	ĐZ 110kv từ TBA 220kv Phố Cao - Hưng Hà	Xã Đoàn Đào, Minh Hoàng	0,70		0,70	2021	Chuyển tiếp	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
2	Xây dựng ĐZ và TBA huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên năm 2021	Xã Phan Sào Nam, Đình Cao, Tổng Phan, TT. Trần Cao	0,03		0,03	2021	Chuyển tiếp	
3	372E8.3 (Phổ Cao) – 371 E28.7 (Thành Phố Hưng Yên)	Đoàn Đào, Đình Cao, Minh Tiến, Tổng Trần	0,25		0,25	2021	Chuyển tiếp	
4	Xuất tuyến 476 sau TBA 110kv Tiên Lữ	Xã Minh Hoàng, Đoàn Đào	0,10		0,10	2021-2025	Đăng ký mới	
5	Xuất tuyến 474 sau TBA 110kv Phổ Cao	TT. Trần Cao	0,10		0,10	2021-2025	Đăng ký mới	
6	Cải tạo đường dây 110kv Kim Động - Phổ Cao đang tách khỏi vận hành sang lưới 22kV	TT. Trần Cao	0,10		0,10	2021-2025	Đăng ký mới	
7	Xây dựng ĐZ và TBA huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên năm 2021-2030	Đình Cao, Đoàn Đào, Minh Hoàng, Minh Tân, Minh Tiến, Nguyễn Hòa, Nhật Quang, Phan Sào Nam, Quang Hưng, Tam Đa, Tiên Tiến, Tổng Phan, Tổng Trần, TT. Trần Cao	3,00		3,00	2021-2025	Đăng ký mới	
IX	Đất cơ sở văn hóa		1,32		1,32			
1	QH nhà văn hóa thôn An Cầu	Xã Tổng Trần	0,22		0,22	2022	Chuyển tiếp	
2	QH nhà văn hóa thôn Vồng Phan	Xã Tổng Trần	0,20		0,20	2022-2025	Đăng ký mới	
3	QH nhà văn hóa thôn Duyệt Lễ	Xã Minh Tân	0,13		0,13	2021	Đăng ký mới	
4	QH nhà văn hóa thôn Nghĩa Vũ	Xã Minh Tân	0,22		0,22	2022	Đăng ký mới	
5	QH nhà văn hóa thôn Duyệt Văn	Xã Minh Tân	0,13		0,13	2023	Đăng ký mới	
6	QH nhà văn hóa thôn Tam Đa	Xã Tam Đa	0,07		0,07	2023	Chuyển tiếp	
7	Nhà văn hóa thôn Phương Bò	Xã Phan Sào Nam	0,15		0,15	2022	Đăng ký mới	
8	Nhà văn hóa thôn Phú Mãn	Xã Phan Sào Nam	0,07		0,07	2023	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
9	QH nhà văn hóa thôn Trần Thượng	TT. Trần Cao	0,13		0,13	2025	Đăng ký mới	
X	Đất cơ sở y tế		3,45	1,82	1,63			
1	Mở rộng trung tâm y tế huyện Phù Cừ + Nhà tang lễ	Xã Đoàn Đào	2,97	1,47	1,50	2022-2025	Chuyên tiếp; Đăng ký mới	
2	Mở rộng trạm y tế xã	Xã Minh Hoàng	0,16	0,10	0,06	2022	Chuyển tiếp	
3	Mở rộng trạm y tế xã	Xã Minh Tân	0,32	0,25	0,07	2025	Đăng ký mới	
XI	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo		18,50	8,16	10,34			
1	Mở rộng trường mầm non thôn An Cầu	Xã Tổng Trân	0,38	0,18	0,20	2022-2025	Chuyển tiếp	
2	Mở rộng trường mầm non thôn Vồng Phan	Xã Tổng Trân	0,19	0,1	0,09	2022-2025	Đăng ký mới	
3	Mở rộng trường tiểu học	Xã Tổng Trân	0,70	0,6	0,10	2026-2030	Đăng ký mới	
4	Mở rộng trường mầm non xã	Xã Nhật Quang	0,68	0,26	0,42	2022	Đăng ký mới	
5	QH trường mầm non tập trung	Xã Nguyên Hòa	0,54		0,54	2022	Đăng ký mới	
6	QH trường mầm non tập trung	Xã Tổng Phan	1,02		1,02	2022	Chuyển tiếp	
	QH đất giáo dục	Xã Tổng Phan	2,00		2,00	2026-2030	Đăng ký mới	
7	Mở rộng trường tiểu học	Xã Tổng Phan	0,35		0,35	2024	Đăng ký mới	
8	Mở rộng trường mầm non thôn Khả Duy	Xã Đoàn Đào	0,30	0,21	0,09	2024	Đăng ký mới	
9	Mở rộng trường Mầm non	Xã Minh Tân	0,54	0,39	0,15	2025	Đăng ký mới	
10	Mở rộng trường tiểu học	Xã Minh Tân	0,63	0,53	0,10	2024	Đăng ký mới	
11	Mở rộng trường THCS	Xã Minh Tân	0,58	0,43	0,15	2026-2030	Đăng ký mới	
12	Quy hoạch trường mầm non xã	Xã Tam Đa	0,52		0,52	2022	Đăng ký mới	
13	Mở rộng trường Tiểu học	Xã Tam Đa	0,65	0,4	0,25	2025	Đăng ký mới	
14	Mở rộng trường THCS	Xã Tam Đa	0,69	0,47	0,22	2025	Đăng ký mới	
15	Mở rộng trường tiểu học	Xã Tam Đa	0,75	0,52	0,23		Chuyển tiếp	
16	Mở rộng trường mầm non thôn Kim Phương	Xã Minh Tiến	0,12		0,12	2024	Đăng ký mới	
17	Mở rộng trường tiểu học	Xã Minh Tiến	1,02	0,51	0,51	2024	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
18	Mở rộng trường trung học cơ sở	Xã Minh Tiến	1,10	0,62	0,48	2024	Đăng ký mới	
19	Mở rộng trường trung học cơ sở	Xã Minh Hoàng	0,95	0,77	0,18	2022	Đăng ký mới	
20	Mở rộng trường tiểu học	Xã Đình Cao	1,29	0,25	1,04	2024	Đăng ký mới	
21	Mở rộng trường trung học cơ sở	Xã Đình Cao	1,10	0,81	0,29	2025	Đăng ký mới	
22	Mở rộng trường Mầm non	Xã Đình Cao	1,08	0,24	0,84	2026-2030	Đăng ký mới	
23	Mở rộng trường mầm non xã	Xã Quang Hưng	0,57	0,27	0,30	2024	Đăng ký mới	
24	Mở rộng trường THCS	Xã Quang Hưng	0,75	0,6	0,15	2025	Đăng ký mới	
25	QH trường mầm non và khu vui chơi giải trí	TT. Trần Cao	2,00		2,00	2026-2030	Đăng ký mới	
XII	Đất cơ sở thể dục thể thao		17,22	0,26	16,96			
1	QH sân thể thao thôn Trần Thượng	TT. Trần Cao	0,20		0,20	2022-2025	Đăng ký mới	
2	QH sân thể thao thôn Trần Hạ	TT. Trần Cao	0,14		0,14	2022-2025	Đăng ký mới	
3	QH sân thể thao thôn Cao Xá	TT. Trần Cao	0,30		0,30	2022-2025	Đăng ký mới	
4	QH bể bơi trung tâm xã	Xã Nhật Quang	0,50		0,50	2022	Đăng ký mới	
5	QH sân thể thao thôn Quang Yên	Xã Nhật Quang	0,40		0,40	2026-2030	Chuyển tiếp	
6	Sân thể thao + Bể bơi	Xã Minh Tân	1,08		1,08	2023	Chuyển tiếp	
7	QH sân thể thao thôn Phù Oanh	Xã Minh Tiến	1,50		1,50	2023	Đăng ký mới	
8	Xây dựng sân thể dục thể thao trung tâm xã	Xã Tổng Phan	1,20		1,20	2025	Chuyển tiếp	
9	Xây dựng sân thể dục thể thao thôn Cát Dương	Xã Tổng Phan	0,20		0,20	2023	Chuyển tiếp	
10	QH sân thể thao xã	Xã Đoàn Đào	0,87		0,87	2025	Chuyển tiếp	
11	QH xây dựng sân bóng thôn Đồng Minh	Xã Đoàn Đào	0,18		0,18	2023	Chuyển tiếp	
12	QH sân thể thao thôn Đại Duy	Xã Đoàn Đào	0,15		0,15	2025	Đăng ký mới	
13	QH sân vận động huyện Phù Cừ	Xã Đoàn Đào	5,00		5,00		Đăng ký mới	
14	Sân thể thao thôn Ba Đông	Xã Phan Sào Nam	0,17		0,17	2023	Đăng ký mới	
15	Sân thể thao thôn Phương Bò	Xã Phan Sào Nam	0,27		0,27	2022	Đăng ký mới	
16	MR sân thể thao thôn Phú Mẫn	Xã Phan Sào Nam	0,30	0,08	0,22	2023	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
17	Sân thể thao trung tâm xã	Xã Phan Sào Nam	0,40		0,40	2022	Đăng ký mới	
18	QH sân thể thao trung tâm xã và xây dựng bể bơi	Xã Minh Hoàng	0,25		0,25	2022	Đăng ký mới	
19	Sân vận động xã	Xã Đình Cao	1,34		1,34	2026-2030	Đăng ký mới	
20	Sân thể thao thôn Văn Xa	Xã Đình Cao	0,26		0,26	2026-2030	Đăng ký mới	
21	Sân thể thao thôn Hà Linh	Xã Đình Cao	0,30		0,30	2026-2030	Đăng ký mới	
22	Sân thể thao thôn Đình Cao	Xã Đình Cao	0,22		0,22	2026-2030	Đăng ký mới	
23	Sân thể thao thôn An Nhuế	Xã Đình Cao	0,16		0,16	2026-2030	Đăng ký mới	
24	Sân thể thao thôn Duyên Linh	Xã Đình Cao	0,20		0,20	2026-2030	Đăng ký mới	
25	QH bể bơi trung tâm xã	Xã Đình Cao	0,25		0,25	2023	Đăng ký mới	
26	Mở rộng sân thể thao xã	Xã Tam Đa	0,38	0,18	0,20	2025	Đăng ký mới	
27	QH sân thể thao + Bể bơi	Xã Tiên Tiến	1,00		1,00	2026-2030	Đăng ký mới	
XIII	Đất chợ		25,76	0,43	25,33			
1	Chợ Minh Tiến	Xã Minh Tiến	1,00		1,00	2023	Đăng ký mới	
2	QH chợ nông sản	Xã Tam Đa	2,00		2,00	2025	Đăng ký mới	
3	Mở rộng chợ trung tâm xã	Xã Tổng Phan	0,51	0,25	0,26	2026-2030	Đăng ký mới	
4	Mở rộng chợ Tranh	Xã Minh Hoàng	0,25	0,18	0,07	2025	Chuyển tiếp	
5	Đất chợ + Bến xe + Thương mại dịch vụ	Xã Tổng Phan	22,00		22,00	2026-2030	Đăng ký mới	
XIV	Đất có di tích lịch sử văn hóa		18,71	1,92	16,79			
1	QH tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền Tổng Trân, xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Xã Tổng Trân	13,70	1,20	12,50	2021-2030	Chuyển tiếp	
2	QH mở rộng khu di tích lịch sử đền bà Cúc Hoa	Xã Minh Tiến	3,48	0,48	3,00	2025	Chuyển tiếp	
3	Mở rộng khu di tích lịch sử cây đa và đền La Tiến	Xã Nguyên Hòa	1,51	0,24	1,27	2021	Chuyển tiếp	
4	Nhà bia tưởng niệm chi bộ Đảng	Xã Minh Hoàng	0,02		0,02	2022	Đăng ký mới	
XV	Đất bãi thải, xử lý chất thải		12,61	0,59	12,02			
1	QH đất bãi thải, xử lý chất thải (gồm Nhà máy xử lý nước thải và bãi tập kết rác)	TT. Trần Cao	4,30		4,30	2022-2025	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
2	Xây dựng điểm thu gom rác thải thôn An Cầu	Xã Tổng Trân	0,06		0,06	2022	Chuyển tiếp	
3	Mở rộng bãi rác thôn An Cầu	Xã Tổng Trân	0,06	0,03	0,03	2022-2025	Đăng ký mới	
4	Xây dựng bãi rác thôn Duyệt Lễ	Xã Minh Tân	0,60		0,60	2021	Đăng ký mới	
5	QH xây dựng bãi rác thôn Phạm Xá	Xã Minh Tiến	0,67		0,67	2023	Chuyển tiếp	
6	QH xây dựng bãi rác thôn Hoàng Các	Xã Tiên Tiến	0,16		0,16	2022	Đăng ký mới	
7	Mở rộng bãi rác thôn Tam Đa	Xã Tam Đa	0,12		0,12	2022	Đăng ký mới	
8	Mở rộng bãi rác	Xã Minh Hoàng	0,06	0,03	0,03	2024	Đăng ký mới	
9	Mở rộng bãi rác	Xã Minh Hoàng	0,06	0,03	0,03	2025	Đăng ký mới	
10	Điểm tập kết rác thải	Xã Đình Cao	0,38		0,38	2023	Đăng ký mới	
11	Bể chứa xử lý rác thải	Xã Đình Cao	0,33		0,33	2024	Đăng ký mới	
12	QH nhà máy xử lý rác thải	Xã Đoàn Đào	4,57		4,57	2021	Chuyển tiếp	
13	Mở rộng bãi rác thôn Viên Quang	Xã Quang Hưng	0,08	0,03	0,05	2022	Đăng ký mới	
14	Mở rộng bãi rác thôn Quang Xá	Xã Quang Hưng	0,18	0,1	0,08	2023	Đăng ký mới	
15	Mở rộng bãi rác thôn Thọ Lão	Xã Quang Hưng	0,07	0,03	0,04	2024	Đăng ký mới	
16	Mở rộng bãi rác thôn Ngũ Lão	Xã Quang Hưng	0,08	0,03	0,05	2025	Đăng ký mới	
17	Mở rộng bãi rác thôn Quang Yên	Xã Nhật Quang	0,17	0,06	0,11	2025	Đăng ký mới	
18	Mở rộng bãi rác thôn Sỹ Quý+ Hạ Đồng	Xã Nguyên Hòa	0,16	0,06	0,10	2025	Đăng ký mới	
19	Mở rộng bãi rác thôn Tống Xá	Xã Tống Phan	0,17	0,1	0,07	2023	Đăng ký mới	
20	Mở rộng bãi rác xóm 1,2 thôn Ba Đông	Xã Phan Sào Nam	0,26	0,06	0,20	2024	Đăng ký mới	
21	Mở rộng bãi rác Trà Bò, Phương Bò	Xã Phan Sào Nam	0,07	0,03	0,04	2025	Đăng ký mới	
XVI	Đất ở tại nông thôn		186,58		186,58			
16,1	Xã Tổng Trân		5,29		5,29	2.021,00		
1	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn An Cầu	Xã Tổng Trân	2,28		2,28	2021	Chuyển tiếp	
2	QH đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thôn Trà Dương	Xã Tổng Trân	3,00		3,00	2022-2025	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
3	Đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt khu vực cổng chợ Võng Phan	Xã Tổng Trân	0,01		0,01	2022-2025	Chuyển tiếp	
16,2	Xã Nguyên Hòa		18,57		18,57			
1	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Nguyên Hòa	4,80		4,80	2021	Chuyển tiếp	
2	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện chủ đầu tư)	Xã Nguyên Hòa	7,38		7,38	2021	Chuyển tiếp	
3	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Nguyên Hòa	5,00		5,00	2026-2030	Đăng ký mới	
4	Xử lý xen kẹt trong khu dân cư các thôn	Xã Nguyên Hòa	1,35		1,35	2023	Đăng ký mới	
5	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Nguyên Hòa	0,04		0,04	2021	Chuyển tiếp	
16,3	Xã Tam Đa		3,39		3,39			
1	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (xen kẹt)	Xã Tam Đa	0,03		0,03	2021	Chuyển tiếp	
2	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (xen kẹt)	Xã Tam Đa	0,07		0,07	2021	Chuyển tiếp	
3	QH khu dân cư mới	Xã Tam Đa	3,00		3,00	2022	Đăng ký mới	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Tam Đa	0,29		0,29	2022-2025	Đăng ký mới	
16,4	Xã Minh Tiến		5,27		5,27			
1	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Kim Phương	Xã Minh Tiến	0,58		0,58	2021	Chuyển tiếp	
2	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Minh Tiến	2,10		2,10	2022-2025	Chuyển tiếp	
3	QH khu dân cư mới giáp đường ĐH.64	Xã Minh Tiến	2,50		2,50	2025	Đăng ký mới	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Minh Tiến	0,09		0,09	2022	Đăng ký mới	
16,5	Xã Tiên Tiến		3,09		3,09			
1	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Hoàng Xá	Xã Tiên Tiến	3,00		3,00	2022	Đăng ký mới	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Tiên Tiến	0,09		0,09	2025	Đăng ký mới	
16,6	Xã Nhật Quang		5,92		5,92			
1	QH khu dân cư mới thôn Quang Yên	Xã Nhật Quang	5,92		5,92	2022-2030	Đăng ký mới	
16,7	Xã Tổng Phan		41,14		41,14			
1	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Tổng Phan	20,00		20,00	2021	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
2	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Tổng Phan	1,75		1,75	2023	Đăng ký mới	
3	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Tổng Phan	3,00		3,00	2025	Chuyển tiếp	
4	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Tổng Phan	12,90		12,90	2026-2030	Đăng ký mới	
5	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Tổng Phan	3,00		3,00	2026-2030	Đăng ký mới	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Tổng Phan	0,49		0,49	2024	Đăng ký mới	
16,8	Xã Đình Cao		15,92		15,92			
1	Đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở	Xã Đình Cao	9,00		9,00	2026-2030	Đăng ký mới	
2	QH khu dân cư mới	Xã Đình Cao	6,20		6,20		Chuyển tiếp	
3	Đấu giá đất ở +Thương mại dịch vụ	Xã Đình Cao	0,44		0,44	2025	Đăng ký mới	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Đình Cao	0,16		0,16	2021	Chuyển tiếp	
5	Xử lý xen kẹt trong khu dân cư	Xã Đình Cao	0,12		0,12	2024	Đăng ký mới	
16,9	Xã Quang Hưng		10,40		10,40			
1	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Thọ Lão	Xã Quang Hưng	1,45		1,45	2023	Chuyển tiếp	
2	QH đất ở + Thương mại dịch vụ	Xã Quang Hưng	8,00		8,00	2022	Đăng ký mới	
3	Xử lý xen kẹt trong khu dân cư các thôn	Xã Quang Hưng	0,95		0,95	2021	Chuyển tiếp	
16,10	Xã Minh Tân		8,17		8,17			
1	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Duyệt Lễ	Xã Minh Tân	2,83		2,83	2021	Chuyển tiếp	
2	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Minh Tân	3,00		3,00	2023	Đăng ký mới	
3	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Xã Minh Tân	2,30		2,30	2025	Đăng ký mới	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở thôn Nghĩa Vũ	Xã Minh Tân	0,04		0,04	2022	Chuyển tiếp	
16,11	Xã Phan Sào Nam		24,50		24,50			
1	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Trà Bò (xã chủ đầu tư)	Xã Phan Sào Nam	0,40		0,40	2023	Chuyển tiếp	
2	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Trà Bò (xã chủ đầu tư)	Xã Phan Sào Nam	0,08		0,08	2023	Chuyển tiếp	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
3	QH khu dân cư mới xã Phan Sào Nam	Xã Phan Sào Nam	12,00		12,00	2022	Đăng ký mới	
4	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện chủ đầu tư)	Xã Phan Sào Nam	12,00		12,00	2022-2025	Đăng ký mới	
5	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Phan Sào Nam	0,02		0,02	2025	Đăng ký mới	
16,12	Xã Đoàn Đào		42,49		42,49			
1	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Đồng Minh	Xã Đoàn Đào	0,27		0,27	2021	Chuyển tiếp	
2	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Đoàn Đào	Xã Đoàn Đào	0,45		0,45	2022	Chuyển tiếp	
3	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Khả Duy	Xã Đoàn Đào	0,17		0,17	2023	Chuyển tiếp	
4	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Đại Duy	Xã Đoàn Đào	1,00		1,00	2024	Đăng ký mới	
5	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Đại Duy (2 vị trí)	Xã Đoàn Đào	4,44		4,44	2025	Đăng ký mới	
6	QH khu dân cư mới xã Đoàn Đào	Xã Đoàn Đào	5,00		5,00	2023	Đăng ký mới	
7	QH khu dân cư mới xã Đoàn Đào	Xã Đoàn Đào	6,50		6,50	2025	Đăng ký mới	
8	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Đoàn Đào	0,18		0,18	2022	Đăng ký mới	
9	QH Đất ở + Thương mại dịch vụ (vị trí giáp TT. Trần Cao)	Xã Đoàn Đào	15,00		15,00	2026-2030	Đăng ký mới	
10	QH Đất ở + Thương mại dịch vụ (vị trí giáp CCN Quán Đò)	Xã Đoàn Đào	9,48		9,48	2025	Đăng ký mới	
16,13	Xã Minh Hoàng		2,43		2,43			
1	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Ngọc Trúc	Xã Minh Hoàng	2,00		2,00	2023	Đăng ký mới	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở	Xã Minh Hoàng	0,43		0,43	2021	Chuyển tiếp	
XVIII	Đất ở tại đô thị		44,74		44,74			
1	QH đất ở đô thị + Thương mại dịch vụ	TT. Trần Cao	11,80		11,80	2022-2025	Đăng ký mới	
2	QH đất ở đô thị + Thương mại dịch vụ	TT. Trần Cao	10,00		10,00	2022-2025	Đăng ký mới	
3	QH đất ở đô thị + Thương mại dịch vụ	TT. Trần Cao	10,00		10,00	2022-2026	Đăng ký mới	
4	QH khu dân cư số 06	TT. Trần Cao	3,41		3,41	2021	Chuyển tiếp	
5	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Trần Hạ	TT. Trần Cao	5,01		5,01	2022-2025	Chuyển tiếp	
6	QH Khu dân cư gần cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng	TT. Trần Cao	4,50		4,50	2026-2030	Chuyển tiếp	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
7	Xử lý xen kẹt trong KDC	TT. Trần Cao	0,02		0,02	2025	Đăng ký mới	
XVIII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		0,79		0,79			
1	QH trụ sở điện lực Phù Tiên	Xã Đoàn Đào	0,28		0,28	2025	Chuyển tiếp	
2	QH xây dựng trụ sở ủy ban	Xã Đình Cao	0,51		0,51	2023	Đăng ký mới	
XIX	Đất cơ sở tôn giáo		0,54	0,24	0,30			
1	Mở rộng chùa Trà Bỏ	Xã Phan Sào Nam	0,14	0,05	0,09	2022	Đăng ký mới	
2	Mở rộng chùa Phú Mãn	Xã Phan Sào Nam	0,24	0,10	0,14	2024	Đăng ký mới	
3	Mở rộng chùa Thọ Lão	Xã Quang Hưng	0,16	0,09	0,07	2025	Đăng ký mới	
XX	Đất nghĩa trang, nghĩa địa		42,29	25,32	16,97			
1	Mở rộng nghĩa địa Trần Hạ	TT. Trần Cao	0,60	0,30	0,30	2022-2025	Đăng ký mới	
2	Mở rộng nghĩa địa Trần Thượng	TT. Trần Cao	0,86	0,36	0,50	2022-2025	Đăng ký mới	
3	Mở rộng nghĩa địa Cao Xá	TT. Trần Cao	2,20	1,50	0,70	2022-2025	Đăng ký mới	
4	Mở rộng nghĩa trang thôn Vồng Phan	Xã Tổng Trân	1,85	1,09	0,76	2025-2030	Đăng ký mới	
5	Mở rộng nghĩa trang thôn An Cầu	Xã Tổng Trân	2,07	1,35	0,72	2025-2030	Đăng ký mới	
6	Mở rộng nghĩa trang thôn Trà Dương	Xã Tổng Trân	2,27	1,3	0,97	2025-2030	Đăng ký mới	
7	Mở rộng nghĩa trang thôn Quang Yên	Xã Nhật Quang	1,31	0,75	0,56	2023	Đăng ký mới	
8	Mở rộng nghĩa trang thôn Tân An	Xã Nhật Quang	0,45	0,04	0,41	2022	Đăng ký mới	
9	Mở rộng nghĩa trang thôn Nhật Lệ	Xã Nhật Quang	1,59	0,91	0,68	2024	Đăng ký mới	
10	Mở rộng nghĩa trang thôn Duyệt Lễ	Xã Minh Tân	2,13	1,6	0,53	2023	Đăng ký mới	
11	Mở rộng nghĩa trang thôn Nghĩa Vũ	Xã Minh Tân	1,61	1,08	0,53	2025	Đăng ký mới	
12	QH đất nghĩa địa thôn Kim Phương	Xã Minh Tiến	1,00		1,00	2026-2030	Đăng ký mới	
13	Mở rộng nghĩa trang thôn Hoàng Các	Xã Tiên Tiến	2,49	1,58	0,91	2022	Đăng ký mới	
14	Mở rộng nghĩa trang thôn Nại Khê	Xã Tiên Tiến	1,53	0,72	0,81	2022	Đăng ký mới	
15	Mở rộng nghĩa trang thôn Hoàng Xá	Xã Tiên Tiến	2,81	1,65	1,16	2022	Đăng ký mới	
16	Mở rộng nghĩa trang thôn Đoàn Đào	Xã Đoàn Đào	1,26	1,06	0,20	2025	Chuyển tiếp	
17	Mở rộng nghĩa trang thôn Trà Bỏ	Xã Phan Sào Nam	1,01	0,36	0,65	2022	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
18	QH đất nghĩa trang thôn Trà Bỏ	Xã Phan Sào Nam	1,50		1,50	2025	Đăng ký mới	
19	QH nghĩa trang xóm 1,2 thôn Ba Đông	Xã Phan Sào Nam	0,20		0,20	2025	Đăng ký mới	
20	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Mãn	Xã Phan Sào Nam	0,89	0,79	0,10	2022	Đăng ký mới	
21	Mở rộng nghĩa trang thôn Phương Bỏ	Xã Phan Sào Nam	1,92	1,42	0,50		Đăng ký mới	
22	QH đất nghĩa địa thôn Đình Cao	Xã Đình Cao	0,34		0,34	2024	Chuyển tiếp	
23	Mở rộng nghĩa trang thôn An Nhuế	Xã Đình Cao	2,33	1,87	0,46	2026-2030	Chuyển tiếp	
24	Mở rộng nghĩa trang thôn Văn Xa	Xã Đình Cao	1,73	1,42	0,31	2026-2030	Chuyển tiếp	
25	Mở rộng nghĩa trang thôn Cự Phú	Xã Tam Đa	0,31	0,21	0,10	2024	Đăng ký mới	
26	Mở rộng nghĩa trang thôn La Tiến	Xã Nguyên Hòa	0,60	0,32	0,28	2025	Đăng ký mới	
27	Mở rộng nghĩa trang thôn Thị Giang	Xã Nguyên Hòa	0,26	0,14	0,12			
28	Mở rộng nghĩa địa thôn Hạ Cát, Tổng Xá	Xã Tổng Phan	1,74	1,26	0,48	2026-2030	Đăng ký mới	
29	Mở rộng nghĩa địa thôn Tổng Xá	Xã Tổng Phan	0,56	0,34	0,22	2026-2030	Đăng ký mới	
30	Mở rộng nghĩa địa thôn Cát Dương	Xã Tổng Phan	1,17	0,67	0,50	2026-2030	Đăng ký mới	
31	Mở rộng nghĩa địa thôn Phan Xá	Xã Tổng Phan	1,70	1,23	0,47	2026-2030	Đăng ký mới	
XXI	Quy hoạch đất nông nghiệp khác		415,85		415,85			
21,1	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao		202,10		202,10			
1	QH khu nông nghiệp công nghệ cao	Xã Tổng Trân	71,50		71,50	2022	Đăng ký mới	
2	QH khu nông nghiệp công nghệ cao	Xã Minh Tân	16,00		16,00		Đăng ký mới	
3	QH khu nông nghiệp công nghệ cao	Xã Tiên Tiến	2,00		2,00		Đăng ký mới	
4	QH khu nông nghiệp công nghệ cao	Xã Phan Sào Nam	22,00		22,00		Đăng ký mới	
5	QH khu trồng cây công nghệ cao	TT. Trần Cao	7,60		7,60		Đăng ký mới	
6	QH khu nông nghiệp công nghệ cao	Xã Nhật Quang	83,00		83,00		Đăng ký mới	
21,2	Khu chăn nuôi tập trung xa dân cư		213,75		213,75			
1	QH khu chăn nuôi tập trung	Xã Tổng Trân	3,85		3,85	2025	Chuyển tiếp	
2	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Minh Tân	8,80		8,80	2022	Đăng ký mới	

TT	Công trình, dự án, nhu cầu sử dụng đất (ghi theo mục đích sử dụng đất)	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Năm thực hiện	Loại công trình	Ghi chú
					Diện tích (ha)			
3	QH khu chăn nuôi tập trung (3 vị trí)	Xã Tiên Tiến	12,10		12,10	2022	Đăng ký mới	
4	QH khu chăn nuôi tập trung	Xã Minh Tiến	6,50		6,50		Đăng ký mới	
5	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Nguyên Hòa	16,61		16,61	2022-2030	Đăng ký mới	
6	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Đoàn Đào	10,92		10,92	2026-2020	Chuyển tiếp	
7	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Tam Đa	14,16		14,16	2024	Đăng ký mới	
8	QH khu chăn nuôi tập trung (5 vị trí)	Xã Phan Sào Nam	27,87		27,87	2025	Chuyển tiếp	
9	QH khu chăn nuôi tập trung (4 vị trí)	Xã Đình Cao	27,92		27,92	2022	Đăng ký mới	
10	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Quang Hưng	33,76		33,76	2022	Đăng ký mới	
11	QH khu chăn nuôi tập trung	TT. Trần Cao	6,86		6,86	2025	Đăng ký mới	
12	QH khu chăn nuôi tập trung (2 vị trí)	Xã Tổng Phan	13,50		13,50	2024	Đăng ký mới	
13	QH khu chăn nuôi tập trung (3 vị trí)	Xã Minh Hoàng	26,30		26,30		Đăng ký mới	
14	QH khu chăn nuôi tập trung	Xã Nhật Quang	4,60		4,60		Đăng ký mới	
XXII	Đất cơ sở tín ngưỡng		0,09		0,09			
1	QH đình làng Hoàng Tranh	Xã Minh Hoàng	0,09		0,09	2022	Đăng ký mới	
XXIII	Đất cơ sở dịch vụ xã hội		4,77		4,77			
1	Viện dưỡng lão	Xã Đình Cao	4,77		4,77	2026-2030	Đăng ký mới	
	Tổng		1.247,14	38,74	1.206,10			